

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT H  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2021/HNST**

Ngày: 21-9-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT H  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Học

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Quốc Vượng  
2. Ông Trịnh Văn Đoan

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thuý– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2021/TLST- HNGĐ ngày 05/7/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Chà Là, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 6, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

*(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống cùng nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:* Anh Nguyễn Văn H thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn Thị L về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng kết hôn và chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương và quan tâm nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn nên nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:*

*Về tố tụng:* Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án và phiên tòa đúng quy định.

*Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H, hiện nay anh H cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống cùng nhau và ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Do đó, hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp theo quy định tại các Điều 8,9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị L yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị L và anh H trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn yêu thương và tôn trọng nhau, hiện nay cả hai đã không còn chung sống cùng nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập các bên tham gia hoà giải đoàn tụ. Tuy nhiên, cả nguyên đơn và bị đơn đều không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các bên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

***Vì các lẽ nêu trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 09/7/2019 của UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước)

- *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 023754 ngày 02/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THA huyện H;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
*(Đã ký)*  
**Nguyễn Đình Học**